

**ĐIỂM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI MÔN HỌC VÀ
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NĂM HỌC 2025-2026 (THÁNG 8/2026)**

STT	Họ và tên	Lớp (Năm học 2025-2026)	Môn	Điểm	Ghi chú
1	Đoàn Anh Quân	10A2	CĐ Ngữ Văn	7.00	
2	Lê Lâm Thành An	10A3	CĐ Ngữ Văn	5.75	
3	Phạm Bảo Anh	10A3	CĐ Ngữ Văn	7.50	
4	Đỗ Minh Hiếu	10A3	CĐ Ngữ Văn	7.00	
5	Phạm Tuấn Kiệt	10A3	CĐ Ngữ Văn	5.00	
6	Trần Thùy Linh	10A3	CĐ Ngữ Văn	6.25	
7	Vũ Bảo Minh	10A3	CĐ Ngữ Văn	6.25	
8	Lê Trần Bảo Nam	10A3	CĐ Ngữ Văn	8.00	
9	Phạm Đan Thanh	10A3	CĐ Ngữ Văn	7.00	
10	Trần Nguyễn Hoài Thương	10A3	CĐ Ngữ Văn	7.00	
11	Chu Nguyên Long	10A4	CĐ Ngữ Văn	5.00	
12	Đặng Đức Tùng	10A4	CĐ Ngữ Văn	5.00	
13	Trần Mạnh Cường	10A4	CĐ Ngữ Văn	6.50	
14	Nguyễn Đức Trung	THPT Sông Công	CĐ Ngữ Văn	6.00	
15	Nguyễn Tuấn Anh	THPT Đông Mỹ	CĐ Ngữ Văn	7.25	
16	Trịnh Hùng	10A5	CĐ Hóa	8.60	
17	Trịnh Văn Hiếu	10A5	CĐ Hóa	9.75	
18	Chu Quang Minh	10A5	CĐ Hóa	9.00	
19	Ngô Hải Phong	10A5	CĐ Hóa	10.00	
20	Đoàn Anh Quân	10A2	Địa	5.50	
21	Lê Lâm Thành An	10A3	Địa	6.00	
22	Phạm Bảo Anh	10A3	Địa	7.00	
23	Đỗ Minh Hiếu	10A3	Địa	5.25	
24	Phạm Tuấn Kiệt	10A3	Địa	5.75	
25	Trần Thùy Linh	10A3	Địa	7.00	
26	Vũ Bảo Minh	10A3	Địa	5.25	
27	Lê Trần Bảo Nam	10A3	Địa	6.75	
28	Phạm Đan Thanh	10A3	Địa	7.25	
29	Trần Nguyễn Hoài Thương	10A3	Địa	5.25	
30	Chu Nguyên Long	10A4	Địa	5.25	
31	Đặng Đức Tùng	10A4	Địa	6.00	
32	Trần Mạnh Cường	10A4	Địa	6.00	
33	Nguyễn Tuấn Anh	THPT Đông Mỹ	Địa	6.25	
34	Trịnh Hùng	10A5	Hóa	9.50	
35	Trịnh Văn Hiếu	10A5	Hóa	9.00	
36	Chu Quang Minh	10A5	Hóa	9.50	
37	Ngô Hải Phong	10A5	Hóa	9.50	
38	Nguyễn Đức Trung	THPT Sông Công	Tin	5.50	
39	Đoàn Anh Quân	10A2	KTPL	6.50	
40	Lê Lâm Thành An	10A3	KTPL	7.75	
41	Phạm Bảo Anh	10A3	KTPL	8.75	
42	Đỗ Minh Hiếu	10A3	KTPL	6.75	

STT	Họ và tên	Lớp (Năm học 2025-2026)	Môn	Điểm	Ghi chú
43	Phạm Tuấn Kiệt	10A3	KTPL	7.00	
44	Trần Thùy Linh	10A3	KTPL	8.75	
45	Vũ Bảo Minh	10A3	KTPL	5.00	
46	Lê Trần Bảo Nam	10A3	KTPL	5.50	
47	Phạm Đan Thanh	10A3	KTPL	8.75	
48	Trần Nguyễn Hoài Thương	10A3	KTPL	8.25	
49	Chu Nguyên Long	10A4	KTPL	6.10	
50	Đặng Đức Tùng	10A4	KTPL	7.75	
51	Trần Mạnh Cường	10A4	KTPL	5.10	
52	Nguyễn Tuấn Anh	THPT Đông Mỹ	KTPL	6.50	
53	Trịnh Hùng	10A5	Sinh	6.75	
54	Trịnh Văn Hiếu	10A5	Sinh	6.00	
55	Chu Quang Minh	10A5	Sinh	7.25	
56	Ngô Hải Phong	10A5	Sinh	6.50	
57	Nguyễn Đức Trung	THPT Sông Công	CĐ Vật lý	9.00	
58	Phạm Bảo Anh	10A3	CNNN (CN trồng trọt)	5.50	
59	Đỗ Minh Hiếu	10A3	CNNN (CN trồng trọt)	5.00	
60	Trần Thùy Linh	10A3	CNNN (CN trồng trọt)	6.00	
61	Vũ Bảo Minh	10A3	CNNN (CN trồng trọt)	6.25	
62	Trần Nguyễn Hoài Thương	10A3	CNNN (CN trồng trọt)	5.75	
63	Phạm Bảo Anh	10A3	CĐ Địa lý	7.00	
64	Đỗ Minh Hiếu	10A3	CĐ Địa lý	8.25	
65	Trần Thùy Linh	10A3	CĐ Địa lý	7.25	
66	Vũ Bảo Minh	10A3	CĐ Địa lý	5.75	
67	Trần Nguyễn Hoài Thương	10A3	CĐ Địa lý	7.00	
68	Phạm Bảo Anh	10A3	CĐ KTPL	8.50	
69	Đỗ Minh Hiếu	10A3	CĐ KTPL	7.50	
70	Trần Thùy Linh	10A3	CĐ KTPL	8.75	
71	Vũ Bảo Minh	10A3	CĐ KTPL	8.00	
72	Trần Nguyễn Hoài Thương	10A3	CĐ KTPL	7.00	
73	Đinh Yến Nhi	11A4 (2024-2025)	CĐ Toán	5.75	
74	Đinh Yến Nhi	11A4 (2024-2025)	Tin	8.50	

Thiên Trường, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Người lập

Phạm Thị Mai Hằng



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Nghĩa